

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 317/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 31 - 12 - 2024  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đào Thị Thu Vân;
- Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy Liễu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 612/2024/TLST-HN ngày 10 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “ly hôn, nuôi con chung”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 965/2024/QĐXX-ST ngày 27 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T năm 1999 địa chỉ: số A, tổ E, ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M năm 1991 địa chỉ: số I, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn bà Trần Thị T1 trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn M3 tìm hiểu và đi đến hôn nhân năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân K1, huyện C, tỉnh An Giang; thời gian đầu sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông M3 không lo cuộc sống chung của vợ chồng, thường xuyên cãi

vã và từ tháng 5 năm 2024 đến nay không còn sống chung. Nay, nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn M3

- *Về quan hệ con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Văn K, sinh ngày 03/8/2018. Hiện đang sống chung với bà T1 sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi, bà không yêu cầu ông M3 cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

- *Về quan hệ nợ chung*: Bà T1 trình bày không có nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M1 Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông M3 không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T1

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Nguyễn Văn M3 đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng hôm nay ông M3 vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn M2 có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị T2 kiện vụ án tranh chấp về ly hôn với ông Nguyễn Văn M3 Ông M3 có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo thẩm quyền.

[2] *Về nội dung vụ án*: Bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn M4 lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau vào năm 2018 ông, bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn của ông bà là hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, theo bà T1 trình bày mâu thuẫn phát sinh từ việc vợ chồng không tôn trọng nhau, tính tình không hợp, trong thời gian chung sống thường xảy ra bất hòa, cả hai đã cố gắng tìm cách hàn gắn vẫn không thể nào chung sống với nhau và đã không còn chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2024 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Trần Thị T1 ly hôn, do cuộc sống chung vợ chồng không được hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung đến nay là một khoảng thời gian dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều

56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị T1.

- *Về quan hệ con chung*: Có 01 con chung Nguyễn Văn K, sinh ngày 03/8/2018. Hiện đang sống chung với bà T1 sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi, bà không yêu cầu ông M3 cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ngày 27/11/2024 ghi nhận ý kiến đối với cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 03/8/2018 thì nguyện vọng cháu K khi cha mẹ không còn sống chung với nhau nữa; thì cháu K mong muốn sống chung với mẹ là bà Trần Thị T1. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp cháu K phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử nghi nên giao cháu K cho bà T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung do bà T1 không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Ông Nguyễn Văn M3 không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nom và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông M3 thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Bà Trần Thị T2 kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về quan hệ nợ chung*: Ghi nhận bà T1 trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà T1 và ông M3 trong thời kỳ hôn nhân thì bà T1 và ông M3 vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] *Về án phí*: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào,

- Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T1

2) *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị T3 ly hôn với ông Nguyễn Văn M3 Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 224, ngày 09/10/2018 tại Ủy ban nhân dân xã K1, huyện C, tỉnh An Giang; cấp cho bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn M5 còn giá trị pháp lý.

3) *Về quan hệ con chung:* Bà Trần Thị T3 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn K, sinh ngày 03/8/2018. Ông M3 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn M3 không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nom và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông M3 thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

4) *Về quan hệ tài sản chung:* Bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5) *Về quan hệ nợ chung:* Ghi nhận bà T1 trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà T1 và ông M6 thời kỳ hôn nhân thì bà T1 và ông M7 phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6) *Về án phí:* Bà Trần Thị T4 chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số: 0023315 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà Trần Thị T5 nộp đủ.

Ông Nguyễn Văn M5 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

7) *Về quyền kháng cáo:* Bà Trần Thị T6 ông Nguyễn Văn M1 quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30*

*Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quang Thanh**